

Số: 1761 /GPMT-UBND

Nam Định, ngày 08 tháng 9 năm 2023

## **GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG**

### **ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NAM ĐỊNH**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;*

*Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;*

*Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;*

*Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;*

*Xét Văn bản của Công ty cổ phần may Sông Hồng: Số 16/CVSH ngày 25/4/2023 về việc đề nghị cấp Giấy phép môi trường; số 228/CVSH ngày 29/8/2023 về việc giải trình nội dung chỉnh sửa báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của "Khu sản xuất Sông Hồng 8 - Mỹ Trung" tại Khu công nghiệp Mỹ Trung, huyện Mỹ Lộc và hồ sơ kèm theo;*

*Theo đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 3326/TTr-STNMT ngày 30/8/2023.*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Cấp phép cho Công ty cổ phần may Sông Hồng địa chỉ trụ sở chính tại 105 Nguyễn Đức Thuận, phường Thống Nhất, thành phố Nam Định được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của cơ sở "Khu sản xuất Sông Hồng 8 - Mỹ Trung" tại Khu công nghiệp Mỹ Trung, huyện Mỹ Lộc, với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của cơ sở

1.1. Tên cơ sở: Khu sản xuất Sông Hồng 8 - Mỹ Trung.

1.2. Địa điểm hoạt động: Lô E6 - E7 Khu công nghiệp Mỹ Trung, huyện Mỹ Lộc, tỉnh Nam Định.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần mã số 0600333307 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Nam Định cấp lần đầu ngày

03/6/2004, đăng ký thay đổi lần thứ 19 ngày 23/6/2022.

1.4. Mã số thuế: 0600333307-020.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Sản xuất các sản phẩm chăn, ga, gối, đệm.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án đầu tư/cơ sở

- Diện tích thực hiện: 38.308 m<sup>2</sup>.

- Quy mô: Cơ sở có tiêu chí như dự án nhóm B (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công).

- Công suất: Sản xuất các sản phẩm chăn, ga, gối, đệm với công suất như sau

+ Vỏ chăn đông, vỏ chăn xuân thu: 225.000 chiếc/năm.

+ Ruột chăn: 32.000 chiếc/năm.

+ Bộ ga, gối classic: 42.000 chiếc/năm.

+ Bộ Home: 15.000 chiếc/năm.

+ Bộ gối (vỏ, ruột): 510.000 chiếc/năm.

+ Ga: 10.000 chiếc/năm.

+ Sản phẩm đệm: 90.000 chiếc/năm.

+ Sản phẩm in: 08 triệu sản phẩm in/năm.

+ Sản phẩm thêu: 07 triệu sản phẩm thêu/năm.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Được phép xả khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Yêu cầu về quản lý chất thải (chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải sinh hoạt, chất thải nguy hại), phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục III ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Giấy phép này.

## **Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty cổ phần may Sông Hồng**

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty cổ phần may Sông Hồng có trách nhiệm

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý nước thải, khí thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất thải không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, Ban quản lý các Khu công nghiệp tỉnh, UBND huyện Mỹ Lộc nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo về UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường để xem xét, hướng dẫn.

**Điều 3.** Thời hạn của Giấy phép: 10 (mười) năm kể từ ngày Giấy phép này có hiệu lực thi hành.

Quyết định số 1369/QĐ-UBND ngày 02/7/2018 của UBND tỉnh phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án “Khu sản xuất Sông Hồng 8 - Mỹ Trung” của Công ty cổ phần may Sông Hồng và các giấy phép môi trường thành phần (nếu có) hết hiệu lực kể từ ngày Giấy phép này có hiệu lực.

**Điều 4.** Giao Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với “Khu sản xuất Sông Hồng 8 - Mỹ Trung” của Công ty cổ phần may Sông Hồng tại Khu công nghiệp Mỹ Trung, huyện Mỹ Lộc được cấp phép theo quy định của pháp luật.

**Điều 5.** Giấy phép này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./.

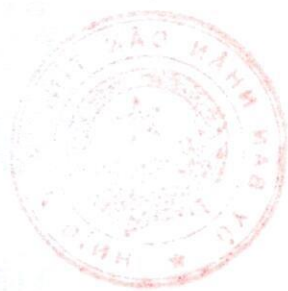
**Nơi nhận:**

- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- Ban quản lý các KCN tỉnh;
- UBND huyện Mỹ Lộc;
- Công ty CP may Sông Hồng;
- Chi cục Bảo vệ môi trường;
- Công TTĐT tỉnh;
- Lưu: VP1, TT, VP3.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**



**Trần Anh Dũng**





## Phụ lục I

# NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số: 1761/GPMT-UBND ngày 08/9/2023 của UBND tỉnh Nam Định)

## A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI

### 1. Nguồn phát sinh nước thải

- Nguồn số 01: Nước thải phát sinh từ nhà vệ sinh của cán bộ, công nhân viên.
- Nguồn số 02: Nước thải phát sinh từ khu vực nhà ăn.
- Nguồn số 03: Phát sinh từ khu vực xưởng in.

### 2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải

#### 2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải

Cống thoát nước của Khu công nghiệp (KCN) phía Đông Bắc cơ sở.

#### 2.2. Vị trí xả nước thải

- Vị trí xả thải: Tại 01 điểm xả vào cống thoát nước của KCN phía Đông Bắc cơ sở.

- Tọa độ vị trí xả nước thải:  $X(m) = 2262749$ ;  $Y(m) = 0572519$  (Hệ tọa độ VN2000; kinh tuyến trực  $105^{\circ}30'$ ; múi chiều  $3^{\circ}$ ).

#### 2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: $60 m^3/\text{ngày.đêm}$ .

2.3.1. Phương thức xả nước thải: Nước thải sau xử lý chảy theo đường ống HPVC D110 dài 150 m thải ra cống thoát nước của KCN nằm trên đường D3 phía Đông Bắc cơ sở theo phương thức tự chảy.

2.3.2. Chế độ xả nước thải: Liên tục trong ngày, không theo chu kỳ.

2.3.3. Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và đạt QCVN 40:2011/BTNMT (cột A) - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp (Áp dụng  $C_{\max} = C \times K_f \times K_q$ ;  $K_q = 0,9$ ;  $K_f = 1,1$ ;  $C_{\max} = C$  đối với các thông số: pH, màu, coliform), cụ thể như sau:

Giá trị giới hạn thông số trong nước thải sau xử lý

| TT | Chất ô nhiễm | Đơn vị tính | Giá trị cho phép QCVN 40:2011/BTNMT (cột A) |                    |
|----|--------------|-------------|---------------------------------------------|--------------------|
|    |              |             | Giá trị C                                   | Giá trị $C_{\max}$ |
| 1  | Màu          | -           | 50                                          | 50                 |
| 2  | pH           | mg/l        | $6 \div 9$                                  | $6 \div 9$         |

|    |                            |          |       |       |
|----|----------------------------|----------|-------|-------|
| 3  | Chất rắn lơ lửng           | mg/l     | 50    | 49,5  |
| 4  | BOD <sub>5</sub> (20°C)    | mg/l     | 30    | 29,7  |
| 5  | COD                        | mg/l     | 75    | 74,25 |
| 6  | Tổng Phenol                | mg/l     | 0,1   | 0,099 |
| 7  | Amoni (tính theo N)        | mg/l     | 5     | 4,95  |
| 8  | Sunfua                     | mg/l     | 0,2   | 0,198 |
| 9  | Tổng photpho (tính theo P) | mg/l     | 4     | 3,96  |
| 10 | Tổng Nito                  | mg/l     | 20    | 19,8  |
| 11 | Tổng dầu mỡ khoáng         | mg/l     | 10    | 9,9   |
| 12 | Coliform                   | VK/100ml | 3.000 | 3.000 |

(Khi có sự thay đổi quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường sẽ áp dụng theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường tương ứng mới nhất)

Ghi chú:

-  $C_{\max}$  là giá trị tối đa cho phép của thông số ô nhiễm trong nước thải công nghiệp khi xả vào nguồn tiếp nhận nước thải.

- C là giá trị của thông số ô nhiễm trong nước thải công nghiệp.

## **B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI**

### **1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải**

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải

- Nước thải sinh hoạt: Nước thải từ nhà vệ sinh được thu gom, xử lý sơ bộ qua bể tự hoại 03 ngăn và nước thải khu vực nhà ăn xử lý sơ bộ qua bể tách mỡ được thu gom về hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 60 m<sup>3</sup>/ngày.đêm để xử lý.

- Nước thải từ khu vực xưởng in (rửa bản in, rửa tay, vệ sinh dụng cụ dính mực in) được thu gom bằng đường hệ thống ống nhựa PVC Ø110 và hố ga về thiết bị xử lý sơ bộ nước thải xưởng in công suất 15 m<sup>3</sup>/ngày.đêm, sau đó được thu gom về hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 60 m<sup>3</sup>/ngày.đêm để xử lý.

### 1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải

- Tóm tắt quy trình công nghệ

+ Quy trình công nghệ xử lý của thiết bị xử lý nước thải xưởng in: Nước thải → Bể gom → Bể điều hòa → Ngăn keo tụ → Ngăn tạo bông → Ngăn lắng → Bể trung gian → Hệ thống xử lý nước thải công suất 60 m<sup>3</sup>/ngày.đêm.

+ Quy trình công nghệ xử lý của hệ thống xử lý nước thải tập trung: Nước thải → Bể điều hòa → Bể thiếu khí → Bể hiếu khí 1 → Bể hiếu khí 2 → Bể lắng

→ Bể trung gian → Cột lọc áp lực → Thiết bị khử trùng → Hồ ga chứa nước thải sau xử lý (nước thải đạt QCVN 40:2011/BTNMT, cột A) → Cổng thoát nước của KCN Mỹ Trung.

(Chi tiết thông số kỹ thuật của thiết bị xử lý nước thải xường in và hệ thống xử lý nước thải tập trung được nêu trong báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường)

- Công suất thiết kế
- + Thiết bị xử lý nước thải xường in công suất 15 m<sup>3</sup>/ngày.đêm.
- + Hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 60 m<sup>3</sup>/ngày.đêm.
- Hóa chất sử dụng
- + Thiết bị xử lý nước thải xường in: Polimer (PAA) và PAC (hóa chất keo tụ, tạo bông) 200 kg/năm.
- + Hệ thống xử lý nước thải tập trung: Sô đa 200 kg/năm; mật rỉ (nuôi vi sinh) 100 kg/năm; Javen 100 kg/năm.

### 1.3. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố

- Bố trí 01 cán bộ phụ trách giám sát vận hành hệ thống xử lý nước thải; tuân thủ nghiêm ngặt quy trình vận hành trạm xử lý nước thải.

- Khi hệ thống xử lý nước thải gặp sự cố như nước thải sau xử lý không đạt quy chuẩn cho phép, Công ty sẽ đóng cửa van xả nước thải ra cổng thoát nước của KCN. Sau đó cử cán bộ kiểm tra nguyên nhân và khắc phục sự cố. Sau khi khắc phục xong sự cố, nước thải sau xử lý đạt quy chuẩn cho phép mới cho hệ thống vận hành trở lại.

## 2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

### 2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm

Dự kiến từ tháng 9/2023 đến tháng 12/2023.

### 2.2. Công trình, thiết bị xả nước thải phải vận hành thử nghiệm

- Thiết bị xử lý nước thải xường in công suất 15 m<sup>3</sup>/ngày.đêm.
- Hệ thống xử lý nước thải công suất 60 m<sup>3</sup>/ngày.đêm.

#### 2.2.1. Vị trí lấy mẫu

- Đối với thiết bị xử lý nước thải xường in công suất 15 m<sup>3</sup>/ngày.đêm: 01 mẫu tại hồ ga thu gom nước đầu vào của thiết bị xử lý nước thải xường in công suất 15 m<sup>3</sup>/ngày.đêm.

- Đối với hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 60 m<sup>3</sup>/ngày.đêm.

+ 01 mẫu tại hồ ga thu gom nước đầu vào của hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 60 m<sup>3</sup>/ngày.đêm.

+ 01 mẫu tại hồ ga chứa nước sau xử lý của hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 60 m<sup>3</sup>/ngày.đêm trước khi thải vào cổng thoát nước của KCN Mỹ Trung.

### 2.2.2. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm

Như tại mục 2.3.3 phần A Phụ lục này.

### 2.3. Tần suất lấy mẫu

- Trong giai đoạn hoạt động ổn định (lấy mẫu trong 03 ngày liên tiếp): Tiến hành lấy mẫu đơn với 01 mẫu tại hố ga thu gom nước đầu vào của thiết bị xử lý nước thải xường in công suất 15 m<sup>3</sup>/ngày đêm; 01 mẫu tại hố ga thu gom nước đầu vào của hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 60 m<sup>3</sup>/ngày đêm và 03 mẫu đầu ra tại hố ga chứa nước sau xử lý của hệ thống xử lý nước thải. Tần suất lấy mẫu 01 ngày/lần.

- Công ty có trách nhiệm phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường để được kiểm tra, giám sát quá trình vận hành thử nghiệm.

## 3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

3.1. Thu gom, xử lý toàn bộ nước thải phát sinh của dự án đảm bảo đạt quy chuẩn QCVN 40:2011/BTNMT (cột A) - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp trước khi xả thải ra cống thoát nước của KCN Mỹ Trung.

3.2. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả các hệ thống, công trình thu gom, xử lý nước thải của nhà máy.

### 3.3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác

- Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong giấy phép môi trường. Trường hợp có thay đổi so với nội dung giấy phép đã được cấp, phải báo cáo UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường xem xét, giải quyết.

- Trong quá trình hoạt động, nếu có sự cố bất thường xảy ra đối với hệ thống xử lý nước thải, Công ty phải báo cáo bằng văn bản về UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, Ban quản lý các KCN tỉnh, UBND huyện Mỹ Lộc để kịp thời xử lý./.



## Phụ lục II

# **NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số: 1761 /GPMT-UBND ngày 08/9/2023  
của UBND tỉnh Nam Định)

## **A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI**

### **1. Nguồn phát sinh khí thải**

- Nguồn số 01: Khí thải phát sinh từ khu vực máy in.
- Nguồn số 02: Khí thải phát sinh từ máy phát điện dự phòng.

### **2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải**

#### **2.1. Vị trí xả khí thải**

- Nguồn số 01: Khí thải xả ra ngoài qua 12 ống phóng không với vị trí như sau:
  - + Vị trí 1: Tọa độ X (m) = 2262416; Y (m) = 0572003.
  - + Vị trí 2: Tọa độ X (m) = 2262418; Y (m) = 0572006.
  - + Vị trí 3: Tọa độ X (m) = 2262421; Y (m) = 0572005.
  - + Vị trí 4: Tọa độ X (m) = 2262422; Y (m) = 0572005.
  - + Vị trí 5: Tọa độ X (m) = 2262424; Y (m) = 0572004.
  - + Vị trí 6: Tọa độ X (m) = 2262425; Y (m) = 0572003.
  - + Vị trí 7: Tọa độ X (m) = 2262428; Y (m) = 0572003.
  - + Vị trí 8: Tọa độ X (m) = 2262429; Y (m) = 0572002.
  - + Vị trí 9: Tọa độ X (m) = 2262430; Y (m) = 0572001.
  - + Vị trí 10: Tọa độ X (m) = 2262431; Y (m) = 0572001.
  - + Vị trí 11: Tọa độ X (m) = 2262432; Y (m) = 0572001.
  - + Vị trí 12: Tọa độ X (m) = 2262433; Y (m) = 0572000.
- Nguồn số 02: Tọa độ X (m) = 2262391; Y (m) = 0572979.

(Hệ tọa độ VN2000; kinh tuyến trực  $105^{\circ}30'$ ; múi chiều  $3^{\circ}$ )

#### **2.2. Lưu lượng xả khí thải lớn nhất**

- Nguồn số 01: Lưu lượng khí thải  $5.000 \text{ m}^3/\text{h}$ .
- Nguồn số 02: Không xác định.

##### **2.2.1. Phương thức xả khí thải**

- Nguồn số 01: Xả cưỡng bức, gián đoạn trong ngày, không theo chu kỳ.
- Nguồn số 02: Xả gián đoạn (chỉ xả khi sử dụng máy phát điện dự phòng).

Khí thải từ máy phát điện dự phòng (lắp đặt tại khu vực riêng) do sử dụng nhiên liệu là dầu DO, thuộc trường hợp không yêu cầu có hệ thống xử lý bụi, khí

thải. Tuy nhiên, phải đảm bảo chỉ sử dụng dầu DO đạt tiêu chuẩn (nhiên liệu sạch) trong mọi trường hợp.

2.2.2. Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường không khí đối với nguồn số 1 phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và đạt QCVN 20:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ, cụ thể như sau:

| STT | Thông số  | Đơn vị             | Giá trị cho phép QCVN 20:2009/BTNMT |
|-----|-----------|--------------------|-------------------------------------|
| 1   | Lưu lượng | m <sup>3</sup> /h  | -                                   |
| 2   | Toluen    | mg/Nm <sup>3</sup> | 750                                 |
| 3   | Benzen    | mg/Nm <sup>3</sup> | 05                                  |

## **B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI**

### **1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải**

1.1. Mạng lưới thu gom khí thải từ các nguồn phát sinh bụi, khí thải để đưa về hệ thống xử lý bụi, khí thải

Nguồn số 01: Hơi mùi, khí thải phát sinh từ khu vực máy in được thu gom bằng hệ thống đường ống tôn mạ kẽm và PVC, sau đó thoát ra ngoài môi trường qua 12 ống phóng không.

1.2. Công trình, thiết bị thu gom bụi, khí thải đối với hệ thống thu gom khí thải khu vực máy in

Tóm tắt quy trình công nghệ xử lý: Hơi mùi khí thải → Ống thu khí → Quạt hút → Thải ra ngoài môi trường qua ống phóng không cao 10 m tính từ nền nhà xưởng (Khí thải đạt QCVN 20:2009/BTNMT).

(Chi tiết thông số kỹ thuật của hệ thống thu gom khí thải được nêu trong báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của cơ sở)

1.3. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố đối với khí thải

- Bố trí 01 cán bộ có chuyên môn phụ trách về môi trường của Công ty.

- Thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng định kỳ hệ thống thu gom khí thải. Trong trường hợp hệ thống gặp sự cố, Công ty tạm dừng sản xuất khu vực in, cho kiểm tra xác định nguyên nhân, khắc phục sự cố. Sau khi sự cố được khắc phục, khí thải sau xử lý đạt quy chuẩn cho phép trước khi thải ra ngoài môi trường mới cho hệ thống hoạt động trở lại.

### **2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm**

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: Dự kiến từ tháng 9/2023 đến tháng 12/2023.

2.2. Công trình, thiết bị xả khí thải phải vận hành thử nghiệm

Hệ thống thu gom khí thải khu vực máy in.

### 2.2.1. Vị trí lấy mẫu

12 vị trí tại lỗ kỹ thuật trên thân 12 ống phóng không, sau hệ thống thu gom khí thải khu vực máy in.

### 2.2.2. Chất ô nhiễm chính và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm

Như tại mục 2.2.2 phần A Phụ lục này.

### 2.3. Tần suất lấy mẫu

- Lấy mẫu 03 ngày liên tiếp với tần suất 01 ngày/lần tại lỗ kỹ thuật trên thân 12 ống phóng không, sau hệ thống thu gom khí thải khu vực in.

- Công ty có trách nhiệm phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường để được kiểm tra, giám sát quá trình vận hành thử nghiệm.

## 3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

3.1. Thu gom, xử lý khí thải phát sinh từ hoạt động của dự án bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại phần A phụ lục này trước khi thải ra ngoài môi trường.

3.2. Trồng cây xanh đảm bảo tỷ lệ theo quy hoạch đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

### 3.3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác

- Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong giấy phép môi trường. Trường hợp có thay đổi so với giấy phép đã được cấp, phải báo cáo về UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường xem xét, giải quyết.

- Thường xuyên vận hành hệ thống xử lý khí thải theo đúng quy trình, thiết kế, đảm bảo xử lý khí thải đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường.

- Tăng cường biện pháp thông thoáng nhà xưởng để hạn chế hơi mùi, bụi bông phát sinh tại xưởng sản xuất dệt.

- Trong quá trình hoạt động, nếu có sự cố bất thường xảy ra đối với hệ thống xử lý khí thải, Công ty phải báo cáo bằng văn bản về UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, Ban quản lý các Khu công nghiệp tỉnh, UBND huyện Mỹ Lộc để kịp thời xử lý./.





**Phụ lục III**

**YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI,  
PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số: 1761 /GPMT-UBND ngày 08/9/2023  
của UBND tỉnh Nam Định)

**A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI**

**1. Chủng loại, khối lượng chất thải phát sinh**

**1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên**

| TT | Tên chất thải                                                                                       | Khối lượng<br>(kg/năm) | Mã<br>CTNH |
|----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------|------------|
| 1  | Giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm thành phần nguy hại (găng tay)                                    | 10.071                 | 18 02 01   |
| 2  | Bóng đèn huỳnh quang thải                                                                           | 152                    | 16 01 06   |
| 3  | Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải (phát sinh trong quá trình bảo dưỡng máy móc)         | 05                     | 17 02 03   |
| 4  | Bao bì mềm thải (đựng keo, mực in, hóa chất xử lý nước thải)                                        | 11.708                 | 18 01 01   |
| 5  | Chất thải lây nhiễm (rác thải y tế)                                                                 | 03                     | 13 01 01   |
| 6  | Bao bì kim loại cứng thải (vỏ thùng mực in, keo)                                                    | 10                     | 18 01 02   |
| 7  | Bao bì nhựa cứng thải (vỏ thùng mực in, keo)                                                        | 15                     | 18 01 03   |
| 8  | Hộp chứa mực in                                                                                     | 05                     | 08 02 04   |
| 9  | Mực in thải                                                                                         | 05                     | 08 02 01   |
| 10 | Bùn thải có các thành phần nguy hại từ quá trình xử lý nước thải                                    | 12.413                 | 12 06 06   |
| 11 | Các thiết bị, bộ phận, linh kiện điện tử thải                                                       | 05                     | 19 02 06   |
| 12 | Các loại vật liệu cách nhiệt thải khác có hay bị nhiễm các thành phần nguy hại (cách nhiệt mái tôn) | 50                     | 11 06 02   |
| 13 | Acquy chì thải                                                                                      | 08                     | 19 06 01   |
| 14 | Pin Ni-Cd thải                                                                                      | 02                     | 19 06 02   |
|    | <b>Tổng</b>                                                                                         | <b>34.452</b>          |            |

**1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh**

Chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh từ hoạt động sản xuất của dự án với khối lượng khoảng 50 tấn/tháng. Thành phần gồm: Bao bì đóng kiện, bìa giấy, bụi bông, vải vụn,...

### 1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh

Khối lượng chất thải sinh hoạt phát sinh khoảng 615 kg/ngày, bao gồm: Chất thải thực phẩm (thực phẩm thừa, rau, quả, củ...); chất thải rắn có khả năng tái sử dụng, tái chế (vỏ lon bia, vỏ nước ngọt,...) và chất thải rắn sinh hoạt khác (bao bì thải, bìa catton,...)

## 2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại

### 2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại (CTNH)

- Thiết bị lưu giữ: Công ty bố trí 13 thùng chứa có thể tích 50 - 120 lít/thùng có nắp đậy để thu gom CTNH. Các thùng chứa được dán tên loại chất thải, mã CTNH theo quy định.

- Công trình lưu giữ: CTNH được thu gom và lưu chứa tại 02 kho chứa CTNH

+ 01 kho có diện tích 30 m<sup>2</sup>: Chứa các loại CTNH: Bóng đèn huỳnh quang thải; giẻ lau, găng tay nhiễm thành phần nguy hại; dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải (phát sinh trong quá trình bảo dưỡng máy móc); chất thải lây nhiễm (rác thải y tế); các thiết bị, bộ phận, linh kiện điện tử thải; acquy chì thải; pin Ni-Cd thải; hộp chứa mực in; mực in thải.

+ 01 kho có diện tích 22,1 m<sup>2</sup>: Chứa các loại CTNH: Bao bì nhựa cứng thải (vỏ thùng mực in, keo); bao bì mềm thải (đựng keo, mực in, hóa chất xử lý nước thải); bùn thải có các thành phần nguy hại từ quá trình xử lý nước thải.

Kho kín, nền đổ bê tông, mái lợp tôn, kê vách, chia ô từng loại, kho có khóa, biển báo và biển cảnh báo theo quy định.

### 2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường

- Thiết bị lưu giữ

+ Đối với các chất thải có thể tái sử dụng, tái chế như chì, vải, bông thừa,... được Công ty tận dụng làm nguyên liệu cho đào tạo hoặc bán tận thu cho các cơ sở.

+ Đối với chất thải không thể tái sử dụng, tái chế như bao bì, túi nilon thải, vải vụn được thu gom vào các bao tải và đưa về khu vực kho chứa. Công ty ký hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý theo quy định.

- Công trình lưu giữ: Chất thải rắn công nghiệp thông thường được thu gom, vận chuyển vào kho chứa chất thải công nghiệp có diện tích 54,9 m<sup>2</sup> phía Tây Bắc Công ty.

### 2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt

- Thiết bị lưu giữ

+ Đối với chất thải như thức ăn thừa, rau, củ, quả dư thừa: Được thu gom vào 05 thùng chứa có dung tích 50 lít/thùng và cho người dân trên địa bàn hàng ngày thu về sử dụng làm thức ăn chăn nuôi.

+ Đối với các loại chất thải khác như bao bì giấy, nilon, vỏ lon, vỏ hộp, chai lọ,... được thu gom vào 10 thùng chứa có dung tích 30 ÷ 50 lít được đặt tại khu vực văn phòng, nhà xưởng, nhà ăn. Sau đó thu gom, lưu giữ tại kho chứa chất thải rắn sinh hoạt.

- Công trình lưu giữ: Công ty bố trí kho chứa có diện tích 10 m<sup>2</sup>, nằm góc phía Tây Bắc Công ty. Công ty đã hợp đồng với đơn vị có chức năng định kỳ đến thu gom và xử lý theo quy định.

## **B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG**

### **1. Biện pháp phòng ngừa đối với sự cố cháy nổ**

- Công ty đã được Phòng cảnh sát PCCC&CNCH - Công an tỉnh Nam Định cấp giấy chứng nhận thẩm duyệt về phòng cháy chữa cháy số 40/TD-PCCC ngày 05/11/2012, biên bản nghiệm thu về phòng cháy chữa cháy (PCCC) ngày 09/10/2013.

- Trang bị các thiết bị PCCC tại các vị trí thuận lợi khi sử dụng.

- Định kỳ hàng năm tổ chức diễn tập huấn luyện nghiệp vụ PCCC cho cán bộ, công nhân viên theo quy định.

### **2. Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố đối với CTNH**

Yêu cầu công nhân thu gom, phân loại, lưu giữ CTNH theo từng loại riêng biệt, tuyệt đối không để CTNH có khả năng tương tác với nhau đặt gần nhau. Khi có sự cố rò rỉ, phát tán CTNH ra môi trường xung quanh, Công ty sẽ tiến hành thu gom CTNH vào thùng chứa, kho chứa và đưa đi xử lý theo đúng quy định.

### **3. Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất**

- Bố trí kho chứa hóa chất có diện tích 15 m<sup>2</sup> phía cuối khu vực xưởng in.

- Quy định cách xếp các hóa chất để đảm bảo an toàn cho người lao động.

- Khu vực bảo quản, lưu trữ hóa chất chỉ có công nhân trực tiếp làm việc với hóa chất và người có trách nhiệm mới được ra vào, nghiêm cấm người không phận sự vào khu vực nguy hiểm.

- Xây dựng quy trình hướng dẫn, phổ biến cho cán bộ, công nhân về biện pháp xử lý khi gặp sự cố hóa chất; tổ chức diễn tập phòng ngừa ứng phó sự cố khi có yêu cầu của đơn vị chức năng.

- Thường xuyên tuyên truyền và tập huấn kiến thức về an toàn hóa chất cho người lao động. Đăng ký và khai báo sử dụng hóa chất với các cơ quan quản lý theo quy định.

- Trang bị bảo hộ lao động như găng tay cao su, kính mắt, khẩu trang chống độc cho cán bộ, công nhân viên tiếp xúc với hóa chất.

### **4. Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố tại trạm cung cấp gas**

- Bồn chứa gas, đường ống, máy hóa hơi,... được bao quanh bằng hàng rào.

- Trạm cung cấp gas của Công ty đảm bảo thuận tiện cho xe chữa cháy ra, vào trạm khi cần thiết.

- Công nhân vận hành khi làm việc trong khu bồn chứa gas lỏng chấp hành đúng các quy định, quy phạm về an toàn kỹ thuật vận hành, an toàn về lao động, an toàn phòng chống cháy nổ đã quy định.

- Cán bộ, công nhân viên được phân công phụ trách bồn chứa gas phải thường xuyên kiểm tra, theo dõi tình trạng hoạt động của các thiết bị bồn và hệ thống công nghiệp trước và sau mỗi ca làm việc.

- Trạm có hệ thống cảnh báo cháy, các thiết bị chữa cháy đảm bảo yêu cầu và phù hợp với vật liệu gây cháy trong cơ sở. Đặt các biển cảnh báo, tiêu lệnh PCCC và các biển báo khác theo quy định.

- Nếu phát sinh sự cố mất an toàn phải kịp thời báo cáo ngay cho lãnh đạo biết để xử lý./.



#### **Phụ lục IV**

### **CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

*(Kèm theo Giấy phép môi trường số: 1761 /GPMT-UBND ngày 08/9/2023  
của UBND tỉnh Nam Định)*

#### **Công ty cổ phần may Sông Hồng có trách nhiệm thực hiện**

- Tổ chức thực hiện và tự chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật; tiếp thu đầy đủ các nội dung, yêu cầu của Giấy phép môi trường đã được cấp.
- Tăng cường trồng cây xanh trong khuôn viên cơ sở đảm bảo tỷ lệ theo quy hoạch đã được phê duyệt.
- Thu gom triệt để nước thải phát sinh đưa về thiết bị xử lý nước thải xường in công suất 15 m<sup>3</sup>/ngày.đêm và hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 60 m<sup>3</sup>/ngày.đêm để xử lý đạt quy chuẩn cho phép trước khi chảy ra cống thu gom nước của KCN Mỹ Trung.
- Bố trí đủ kinh phí để thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường, phòng ngừa, ứng phó các sự cố về môi trường trong quá trình thực hiện dự án; định kỳ kiểm tra, duy tu bảo dưỡng các công trình bảo vệ môi trường để đảm bảo hiệu quả thu gom, xử lý.
- Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hàng năm hoặc đột xuất theo quy định của pháp luật./.



11

